

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC TÔN GIÁO CỦA WILLIAM JAMES

ĐỖ THU HƯỜNG^(*)

1. Cuộc đời và sự nghiệp khoa học của William James

Khi nhắc đến nước Mỹ, mọi người thường nghĩ đó là cường quốc số một thế giới về kinh tế và quân sự, ít ai nghĩ đến đất nước này đã sản sinh ra những nhà triết học vĩ đại như Charles Sanders Peirce, Sigmund Freud⁽¹⁾, Jonh Dewey, v.v... Trong số đó, có lẽ vĩ đại nhất, đặc biệt và kì dị nhất là William James, một trong những người sản sinh ra tư tưởng triết học và tôn giáo Hoa Kỳ. William James (11/01/1842 - 26/8/1910) là người thành phố New York. Cuộc đời của ông đầy những nỗi cô đơn, đau khổ. Số phận của ông cũng là số phận của nước Mỹ trong những năm nửa cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, thời gian mà người Mỹ phải gồng mình để đương đầu với thất nghiệp, đói nghèo. Có lẽ hoàn cảnh lịch sử ấy đã tôi luyện nên ý chí và trí tuệ của một người Mỹ điển hình như William James. Cả cuộc đời, ông đã dày công nghiên cứu các lĩnh vực như Triết học, Giáo dục học và đặc biệt là Tôn giáo học. Các công trình khoa học của ông thể hiện trên nhiều lĩnh vực như Tâm lí học, Triết học và Tôn giáo học. Những công trình khoa học này không những phản ánh chính xác và toàn diện thực trạng

đời sống vật chất và tinh thần của người Mỹ lúc bấy giờ mà còn góp phần làm thay đổi cách suy nghĩ cũng như hành động của người Mỹ từ thời ông cho đến bây giờ. Những ai đã từng nghiên cứu tư tưởng của William James đều không khỏi ngạc nhiên khi đọc những công trình khoa học công phu, dung dị về hành văn nhưng độc đáo về trí tuệ như: *Talks to Teachers* (Trao đổi với giáo viên), *The Principles of Psychology* (Những nguyên tắc của Tâm lí học), *Pragmatism - A New Name for Some Old Ways of Thinking* (Chủ nghĩa thực dụng - Cái tên mới đối với những cách thức cũ của tư duy), *The Meaning of Truth* (Ý nghĩa của chân lí), *The Will to Believe* (Ý chí để tin), *Essays in Radical Empiricism* (Những tiểu luận về căn nguyên của chủ nghĩa kinh nghiệm cấp tiến). Đặc biệt về lĩnh vực Tôn giáo học có tác phẩm *On the Varieties of Religious Experience: A Study of Human Nature* (Về sự đa dạng kinh nghiệm tôn giáo: Nghiên cứu về bản chất con người), và tác phẩm *A Pluralistic Universe* (Vũ trụ đa nguyên).

William James là con trai của Henry James Sr., một người nổi tiếng không chỉ

*. ThS., Đại học Nội vụ Hà Nội.

1. Ông là người Áo nhưng mang quốc tịch Mỹ.

vì sự giàu có mà còn bởi cách sống lập dị. Ông rất quan tâm đến việc giáo dục con cái, đặc biệt là việc đưa con ra đào tạo ở nước ngoài. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến lối suy nghĩ cũng như sự nghiệp của các con ông sau này. Cả William James, em trai Henry James và em gái Alice James đều được bố đưa sang Châu Âu học từ nhỏ, sau này cả ba anh em đều thành đạt. Henry James và Alice James trở thành những tiểu thuyết gia nổi tiếng. Về thể chất, từ nhỏ William James đã mắc nhiều loại bệnh ở mắt, lưng, bụng và đặc biệt là ở da. Những căn bệnh này có lần làm cho ông trở nên câm điếc, thậm chí nhiều lần xuất hiện triệu chứng suy nhược thần kinh, rơi vào tình trạng trầm cảm kéo dài và nhiều khi ông có ý định tự tử.

William James khởi đầu sự nghiệp nghiên cứu của mình tại khoa Y học, Đại học Harvard vào 1864, sau đó ông bỏ dở công việc của mình vào mùa xuân năm 1865 để tham gia chuyến thám hiểm sông Amazon do giáo sư Louis Agassiz dẫn đầu. Sau tám tháng thám hiểm, ông đành phải bỏ cuộc vì bệnh đậu mùa và say sóng. Công việc nghiên cứu của ông lại bị gián đoạn vì bệnh tật. Năm 1867, ông phải sang Đức để chữa bệnh cũng như để tiếp tục theo đuổi sự nghiệp nghiên cứu Y học của mình. Cuối cùng, ông cũng tốt nghiệp đại học với tấm bằng Bác sĩ vào năm 1868 tại Đại học Haward, nhưng không bao giờ sống bằng nghề Y. Sở dĩ như vậy là vì chính bản thân ông không nhận thấy mình sẽ thành đạt bằng nghề Y. Những vấn đề của Triết học có sức lôi cuốn ông hơn, điều này dẫn đến việc ông chuyển sang

nghiên cứu Triết học sau khi tốt nghiệp đại học. Ông phát biểu rằng: “Tôi nghiên cứu thuần túy về dược học để trở nhà Sinh lí học, nhưng tôi chìm vào Tâm lí học và Triết học như một định mệnh. Tôi chưa bao giờ có bất kì chỉ dẫn Triết học nào, các bài giảng đầu tiên về Tâm lí học mà tôi từng nghe cũng là đầu tiên tôi đưa...”⁽²⁾. Ông hiến dâng gần như toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của mình cho Đại học Harvard. Tại ngôi trường này, ông được phong nhiều học hàm, học vị danh giá như giảng viên Sinh lí học đầu năm 1873, Phó Giáo sư Tâm lí học vào năm 1876, Phó Giáo sư Triết học vào năm 1881, giáo sư năm 1885, và giáo sư danh dự Triết học vào năm 1907.

William James là nhà Tâm lí học đầu tiên tại Đại học Haward cho rằng Tâm lí học là một khoa học. Ông cũng là người rất thấu hiểu và chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng Tâm lí học của Hermann Helmholtz ở Đức và Pierre Janet ở Pháp. Những kiến thức mà ông thu được từ các tác giả này là cơ sở để ông giới thiệu cũng như giảng dạy Tâm lí học thực nghiệm tại Đại học Haward. Ngoài ra, ông khẳng định thực nghiệm là phương pháp nghiên cứu của Tâm lí học. Ông là giảng viên Tâm lí học thực nghiệm tại Đại học Harvard từ 1875 đến 1876⁽³⁾. Thời gian này, ông đã tham gia các cuộc thảo luận về Triết học với Charles Peirce⁽⁴⁾,

2. Dẫn theo: Ralph Barton Perry. *The Thought and Character of William James*, vol. 1, (1935), 1996 edition, ISBN 0-8265-1279-8, p. 228.

3. Dẫn theo: Duane P Shultz. *A History of Modern Psychology*, Wadsworth/Thompson Press, 2004, p. 179.

4. Xem thêm thông tin về Charles Sander Pierce tại: <http://plato.stanford.edu/entries/peirce/>

Oliver Wendell Holmes⁽⁵⁾ và Chauncey Wright⁽⁶⁾. Về sau những nhà tư tưởng này thành lập một câu lạc bộ học thuật gọi là *Câu lạc bộ siêu hình học (The Metaphysical Club)*⁽⁷⁾ tại Đại học Haward vào năm 1872. Câu lạc bộ này đã cung cấp cho người Mỹ một nền tảng tư tưởng trong nhiều thập niên tiếp theo⁽⁸⁾.

Để có thời gian viết, William James nghỉ hưu năm 1907, sau đó ông tiếp tục viết và giảng bài tại các trường đại học khác. Trong thời gian này, ông cho xuất các tác phẩm Triết học và Tôn giáo học nổi tiếng như *Chủ nghĩa thực dụng (Pragmatism)*, *Vũ trụ đa nguyên (A Pluralistic Universe)*, *Ý nghĩa của chân lí (The Meaning of Truth)*. Đây cũng là thời gian bệnh đau tim hành hạ ông. Những cơn đau tim đã làm cho ông kiệt sức vào năm 1909 trong khi ông đang nỗ lực hoàn thiện tác phẩm “Một số vấn đề về Triết học”. Ông buộc phải đến Châu Âu vào năm 1910 để điều trị, tuy nhiên do tuổi cao, sức yếu nên chữa trị thất bại. Ông trở về và trút hơi thở cuối cùng vào 26 tháng 8 năm 1910 tại nhà riêng ở Chocorua, New Hampshire. Thi hài ông được an táng trong khu nghĩa trang gia đình ở thành phố Cambridge, bang Massachusetts.

2. Cơ sở Triết học tôn giáo của William James

Tác phẩm Triết học khiến cho William James trở nên nổi tiếng và có ảnh hưởng lớn trong Triết học tôn giáo là: *Ý chí để tin và các tiểu luận khác trong Triết học phổ thông (The Will to Believe and Other Essays in Popular Philosophy)*, xuất bản năm 1897, là kết quả của sự thu thập và

tổng kết các bài báo, các công trình ông đã công bố từ những năm trước. Trong tác phẩm này, ông ghi rõ: “Chúng ta có đủ khả năng để chờ đợi kết quả điều tra trước khi đến với một niềm tin, trường hợp khác buộc chúng ta phải tin vào một số, thậm chí tất cả các chứng cứ liên quan không được thẩm tra sẽ rơi vào một đường mòn bị cô lập, buộc tôi phải đối mặt với mọi khó khăn, và không biết liệu tôi có thể vượt qua nó không, tôi có thể bị buộc phải xem xét các câu hỏi liệu tôi có thể hoặc nên tin rằng tôi có thể vượt qua mọi khó khăn. Câu hỏi này không chỉ buộc, nó là “quan trọng”: nếu tôi sai, tôi có thể chết, và nếu tôi tin rằng đúng là tôi có thể vượt qua mọi khó khăn, giữ niềm tin của tôi có thể tự đóng góp vào thành công của tôi”⁽⁹⁾. Trong trường hợp này, ông khẳng định, tôi có “*quyên để tin*”. Ông đưa ra những giả thuyết đối với niềm tin tôn giáo, đặc biệt là đối với trường hợp có thể có trong đó một sự cứu rỗi phụ thuộc vào, tin vào Thiên Chúa trước tiên rồi mới có bằng chứng về sự tồn tại của Thiên Chúa. Đây là cánh cửa để chúng ta đi vào nghiên cứu tư tưởng Triết học tôn giáo của William James.

Ông là một trong những người ủng hộ mạnh mẽ thuyết chức năng trong Tâm lí học cũng như phương pháp của chủ

5. Xem thêm: Justice Oliver Wendell Holmes, Jr. tại <http://www.let.rug.nl/usa/B/oliver/oliverxx.htm>

6. Xem thêm: Chauncey Wright tại: <http://plato.stanford.edu/entries/wright/>

7. <http://www.nytimes.com/books/01/06/10/reviews/010610.10stroust.html>

8. Xem: Louis Menand .The Metaphysical Club, Farrar, Straus and Giroux press, 2002.

9. <http://plato.stanford.edu/entries/james/#4>

nghĩa thực dụng trong Triết học. Với tư cách là một trong những người sáng lập *Hội Nghiên cứu Tâm thần Hoa Kỳ* (The American Society for Psychical Research (ASPR)), xét về tư duy Tâm lí học, ông hơn hẳn đồng nghiệp của mình về sức sáng tạo trong việc truy tìm các phương cách chữa bệnh tâm thần. Ông phê phán các phương pháp nghiên cứu Tâm lí học và Triết học mà theo ông chỉ bám vào các hiện tượng. Ông đã xé toang lối suy nghĩ cố hữu, hẹp hòi bằng những kết quả nghiên cứu nghiêm túc, dựa trên lối tư duy độc đáo theo hướng mở, bám sát kinh nghiệm, thông qua thực nghiệm và dựa trên những tiêu chuẩn đánh giá nhất định, nhờ đó ông được công nhận là 14 nhà Tâm lí học vĩ đại nhất của thế kỉ XX⁽¹⁰⁾. Ngày 17/4/1977, trong bài phát biểu về chủ đề “*Đạo đức của chiến tranh*”, Tổng thống Hoa Kỳ Jimmy Carter đã trích dẫn tiêu đề cũng như nội dung mà trước đó William James đã phát biểu tại Đại học Stanford năm 1906⁽¹¹⁾.

Về tư duy Triết học, như tên cuốn sách “*Chủ nghĩa thực dụng - Cái tên mới đối với những cách thức cũ của tư duy*”, những tham vọng Triết học mà William James đưa ra trong cuốn sách này, theo ông, chỉ là sự nhìn nhận lại, xem xét lại những vấn đề Triết học đã có từ trước dựa trên phương pháp tiếp cận mới, đó là cách tiếp cận “Pragmatism” (Chủ nghĩa thực dụng) - từ của William James. Trước đó, lần đầu tiên ông công bố thuật ngữ “thực dụng” là trong bài giảng tại Đại học Berkeley năm 1898, tại trường Cao đẳng Wellesley vào năm 1905, và tại Viện Lowell và Đại học Columbia vào năm 1906 và 1907. Cuốn sách mà chúng

tôi đã nêu ở trên được xuất bản năm 1907. Nội dung của cuốn sách là sáu vấn đề quan trọng và chính ông gọi nó là sáu bài giảng, trong đó đáng chú ý là bài giảng thứ sáu: *Triết học tôn giáo*.

Sự nghiệp Triết học của ông chỉ xoay quanh nỗ lực nhằm thổi vào cái gọi là “lối tư duy cũ” một cách tiếp cận mới về phương pháp luận để đưa triết học gắn liền với tính hữu dụng của nó đối với con người. Ví dụ, khi bàn về chân lí của niềm tin, ông cho rằng, “*chân lí của niềm tin là việc niềm tin đó có cung cấp tính hữu dụng của nó cho những người tin hay không*”. Cũng theo ông, chân lí được xem là “*cái mách cho chúng ta hành động và hiệu quả có được từ hành động đó; hay chân lí là phương pháp hành động để mang lại hiệu quả*”... Ông cho rằng, trước đó, cách suy nghĩ về chân lí được người ta nhào nặn rồi áp đặt cho con người. Theo ông, chân lí không phải là những gì mang tính chung chung, trừu tượng, mà là những gì gắn liền với hành động hiệu quả, những gì áp dụng vào thực tế hành động. William James ví chân lí là

10. Haggbloom, S.J. et al. (2002). The 100 Most Eminent Psychologists of the 20th Century. Review of General Psychology. Vol. 6, No. 2, 139–15. Haggbloom et al. combined 3 quantitative variables: citations in professional journals, citations in textbooks, and nominations in a survey given to members of the Association for Psychological Science, with 3 qualitative variables (converted to quantitative scores): National Academy of Science (NAS) membership, American Psychological Association (APA) President and/or recipient of the APA Distinguished Scientific Contributions Award, and surname used as an eponym. Then the list was rank ordered. (Xem thêm tại: <http://www.nasonline.org/site/PageServer>)

11. Xem: Jon Roland. *The Moral Equivalent of War* by William James tại: http://www.constitution.org/wj/meow_intro.htm

những mảnh ghép trong trò chơi xếp hình, nó cần được ghép lại với nhau một cách hợp lí, đạt được thông qua thẩm tra bằng kinh nghiệm quan sát kết quả trong việc vận dụng một ý tưởng vào thực tế⁽¹²⁾. Tư tưởng Triết học của William James tập trung ở một số điểm căn bản như sau: Giá trị của sự thật “sự vật” hoàn toàn phụ thuộc vào việc người sử dụng nó như thế nào. Theo ông, thế giới là một tổng thể của những kinh nghiệm đa dạng. Chúng chỉ có thể được diễn giải đúng và được hiểu thông qua việc ứng dụng nó. Thuật ngữ mang đậm tính Triết học đầu tiên của ông là “chủ nghĩa kinh nghiệm cấp tiến”. Theo ông, chủ nghĩa kinh nghiệm cấp tiến không liên quan đến khoa học, cũng không liên quan đến chủ nghĩa kinh nghiệm. Chủ nghĩa này khẳng định thế giới và kinh nghiệm không bao giờ có tính khách quan, nó phụ thuộc hoàn toàn vào tâm trí của người quan sát, mặt khác không có gì khác là phụ thuộc vào tâm trí của người quan sát cũng như hành động của các giác quan. Đây là điểm căn bản đối với mọi sự xác định kết quả của bất kì phương pháp thực nghiệm nào về chân lí. William James nhấn mạnh, không có kinh nghiệm chung chung, không có sự thẩm định chung chung mà thường gắn với từng cá nhân hành động cụ thể. Từ chủ nghĩa kinh nghiệm cấp tiến được ông phát triển thành “Chủ nghĩa thực dụng”.

Vậy chủ nghĩa thực dụng là gì, William James tóm tắt trong một câu ngắn gọn: “Là học thuyết của chân lí, ở trong niềm tin, những chân lí trỗi dậy từ những sự thật, nhưng chúng một lần nữa lại nghiêng về sự thật, góp thêm sự thật,

một lần nữa sự thật lại biểu lộ và tạo ra chân lí mới”⁽¹³⁾. Ông cũng cho rằng, sự thật khi đó chưa phải là chân lí; chân lí là chức năng của những niềm tin. Trong tác phẩm *Ý nghĩa của chân lí*, William James dường như cho rằng chân lí, với nghĩa tương đối là “Nhà phê bình của chủ nghĩa thực dụng”, “Chủ nghĩa thực dụng luôn luôn có nghĩa là chân lí đối với kinh nghiệm hành động”⁽¹⁴⁾. Như vậy, ông không nhất quán trong quan điểm về chủ nghĩa thực dụng, có khi ông cho rằng chủ nghĩa thực dụng là phương pháp, có khi là chân lí.

Trong tác phẩm *Chủ nghĩa thực dụng - Cái tên mới đối với những cách thức cũ của tư duy*, ông viết: “Chủ nghĩa thực dụng là phương pháp”⁽¹⁵⁾. Phương pháp thực dụng có nhiệm vụ tìm kiếm ý nghĩa của “sự thật” bằng cách kiểm tra như thế nào ý tưởng chức năng trong cuộc sống của chúng ta. Theo ông, một niềm tin là sự thật, nếu trong thời gian dài nó đã hành động cho tất cả chúng ta, và hướng dẫn chúng ta. Willam James đã lo lắng để tìm ra những gì thực sự đi đến niềm tin trong cuộc sống con người - những “giá trị tiền mặt”, những gì dẫn đến hiệu quả trong hành động. Ông kết luận, niềm tin không phải là một thực thể tinh thần

12. William James. *Pragmatism: A New Name for Some Old Ways of Thinking*, Lect. 6, “Pragmatism’s Conception of Truth,” (1907).

13. In brief, that “Truths emerge from facts, but they dip forward into facts again and add to them; which facts again create or reveal new truth (the word is indifferent) and so on indefinitely.

14. William James. *The Meaning of Truth*, Longmans, Green, & Co., New York, 1909, p. 177.

15. William James. *Pragmatism: A New Name for Some Old Ways of Thinking*, Lect. 6, “Pragmatism’s Conception of Truth”, 1907.

nào đó bí ẩn tương ứng với một thực tế bên ngoài. Nếu niềm tin đó đúng “chân lí”, nó bao giờ cũng gắn với hành động hiệu quả của chúng ta. Nếu có cái chân lí thực sự tức là chúng đã trải nghiệm bởi chúng ta - những chủ thể hành động. Như vậy, với ý này, khoa học có thể thẩm tra sự tồn tại lâu dài của niềm tin tôn giáo theo cách tương tự. Ông cho rằng, “*Tính chất lâu dài của niềm tin tôn giáo trong suốt lịch sử loài người đã ghi nhận và trong tất cả các nền văn hóa đã gián tiếp cho thấy rằng niềm tin đó đã được trải nghiệm.*” Nói về vai trò của tôn giáo, ông tranh luận trực tiếp về những niềm tin tôn giáo đã được trải nghiệm và áp dụng. Thực tế cho phép chúng ta trích dẫn đầy đủ hơn, sống động và phong phú hơn và có nhiều lựa chọn thay thế khả thi hơn về những niềm tin tôn giáo, đặc biệt những niềm tin tôn giáo đã thiết thực trong đời sống con người, cũng giống như niềm tin khoa học.

3. Những nhận định ban đầu về Triết học tôn giáo của William James

Trước khi luận bàn cụ thể quan điểm của William James về tôn giáo, hãy lướt qua các cách tiếp cận giải quyết vấn đề “Niềm tin”, “Ý chí tự do”, “Sự quyết định”. Trong bài giảng năm 1897 có tựa đề *Ý chí để tin*, ông đã bảo vệ quyền vi phạm các nguyên tắc tính khách quan để biện minh cho cái gọi là *giả thuyết mạo hiểm*, cụ thể là để biện minh cho niềm tin tôn giáo. Ông cho rằng, Triết học thực dụng cho phép sử dụng kết quả *giả thuyết mạo hiểm* của chính nó đưa ra để làm bằng chứng cho giả thuyết khoa học. Do đó, Triết học thực dụng chấp nhận tồn tại một giả thuyết về niềm tin vào Thiên

Chúa và chứng minh sự tồn tại của Thiên Chúa bởi những gì mà niềm tin mang đến cho cuộc sống của một con người. Trong tác phẩm *Ý chí để tin*, thế giới quan của ông đã chuyển từ nhất nguyên luận sang đa nguyên luận. Trong nhật kí của mình vào ngày 30/4/1870, William James đã viết: “Tôi nghĩ rằng ngày hôm qua là một cuộc khủng hoảng trong cuộc sống của tôi. Tôi đã hoàn thành phần đầu tiên bài luận thứ hai về Charles Bernard Renouvier và thấy cơ sở định nghĩa của ông về tự do - Tiếp tục duy trì tư tưởng tôi bởi vì tôi đã chọn để có thể có suy nghĩ khác”⁽¹⁶⁾. Năm 1884, William James thiết lập các tiên đề cho tất cả các cuộc tranh luận về “Thuyết quyết định luận” và “ý chí tự do” tại Đại học Haward. Ý chí tự do theo ông phải giữ vị trí số một đối với chúng ta. Đây là tư tưởng mà ông thu nhận từ Charles Bernard Renouvier. Về “Thuyết quyết định luận”, ông đề xuất *Thuyết quyết định luận cứng (hard determinism)* và *Thuyết quyết định luận mềm (soft determinism)*. Hiện nay người ta gọi là *Thuyết tích hợp (Compatibilism)*⁽¹⁷⁾. Thực tế quan điểm này phát sinh trong tư tưởng của Thomas Hobbes và David Hume. Theo William James: “Thành trì của tranh luận quyết định luận là sự ác cảm với ý niệm cơ hội - khái niệm này có thể thay thế luân phiên - sự thu nhận này bằng bất cứ sự vật riêng biệt nào có thể vượt qua, cuối cùng chỉ một chỗ ngoặt đặt tên

16. Ralph Barton Perry. *The Thought and Character of William James*, Vol.1, p. 323; *Letters of William James*, Vol. 1, p. 147.

17.

http://en.wikipedia.org/wiki/Compatibilism#cite_not_e-1

đối với cơ hội⁽¹⁸⁾. Như vậy, theo ông mọi sự lựa chọn phải dựa trên ý chí tự do và không chịu những ép buộc từ bên ngoài. Có một lần ông chất vấn sinh viên về sự lựa chọn. Ông viết: “Có ý nghĩa gì khi tôi nói rằng sự lựa chọn của tôi đi bộ về nhà như thế nào sau buổi giảng là khả nghi và là vấn đề của cơ hội?... Nó có nghĩa là tất cả thái độ thần học và đường phố Oxford được gọi lên nhưng chỉ một, một và chỉ một sẽ được lựa chọn⁽¹⁹⁾. Tóm lại, quan điểm của ông về sự quyết định lựa chọn là một chuỗi, với những cơ hội trong một thời gian hiện tại của ngẫu nhiên lựa chọn thay thế, một sự lựa chọn được chấp nhận với một khả năng cùng với nó biến đổi trong một tương lai lập lờ không rõ ràng và một quá khứ không thay đổi và đơn giản. Có một trình tự thời gian không xác định được khả năng thay thế tiếp theo là lựa chọn thích hợp xác định. Như vậy, sự lựa chọn của chúng ta không có gì bảo đảm cả. Nguyên tắc của sự quyết định lựa chọn là dựa trên ý chí tự do vi phạm tính khách quan. Ông cho rằng, con người phải tự quyết định lựa chọn, phải có ý chí tự do để hoàn thành cái mình đã lựa chọn và phải tự chịu trách nhiệm về sự lựa chọn của mình. Cơ hội không quyết định sự lựa chọn của các nhân, cá nhân quyết định lựa chọn của mình trên cơ sở ý chí tự do, bằng chứng là cùng một cơ hội như nhau nhưng mỗi người lại có những quyết định khác nhau.

Như vậy, điều đầu tiên chúng ta dễ nhận thấy là việc con người lựa chọn cho bản thân theo tôn giáo này, tôn giáo kia và không theo tôn giáo nào là do ý chí tự do quyết định. Năm 1902, William James

xuất bản cuốn sách về Triết học tôn giáo có tiêu đề *Tính đa dạng của kinh nghiệm tôn giáo* (The Varieties of Religious Experience). Nếu như trong các cuốn sách xuất bản trước đó, ông chỉ trình bày quan điểm Triết học tôn giáo của mình một cách tản mạn, thì trong cuốn sách này, điều đầu tiên ông trình bày là: “*Tôn giáo, về hình thức chỉ là kinh nghiệm*” (Religious genius (experience)). Ông xem đây là vấn đề đầu tiên khi bắt tay vào nghiên cứu tôn giáo, còn hơn là nghiên cứu các vấn đề khác như tổ chức tôn giáo, đức tin tôn giáo, v.v... Ông quy cho các nhà Tâm lí học nghiên cứu các hiện tượng thuộc về kinh nghiệm bởi vì họ là những người gần gũi nhất với kinh nghiệm nhất. Khi luận bàn về vai trò của niềm tin tôn giáo, ông viết: “Để giải thích về vương quốc của Chúa, chia sẻ kinh nghiệm thông thường, và lịch sử, mỗi chúng ta phải chắc chắn “qua niềm tin”. Những điều không thể được chứng minh trên cơ sở kinh nghiệm, nhưng giúp chúng ta sống cuộc sống đầy đủ hơn và tốt hơn⁽²⁰⁾.”

18. “The stronghold of the determinist argument is the antipathy to the idea of chance... This notion of alternative possibility, this admission that any one of several things may come to pass is, after all, only a roundabout name for chance”, xem thêm: *The Dilemma of Determinism*, republished in *The Will to Believe*, Dover, 1956.

19. “What is meant by saying that my choice of which way to walk home after the lecture is ambiguous and matter of chance?... It means that both Divinity Avenue and Oxford Street are called but only one, and that one either one, shall be chosen”.

20. In order to usefully interpret the realm of common, shared experience and history, we must each make certain “over-beliefs” in things which, while they cannot be proven on the basis of experience, help us to live fuller and better lives.

Cuốn sách *Tính đa dạng của kinh nghiệm tôn giáo* với mục đích chính là nghiên cứu bản chất con người. Một công trình chỉ 500 trang nhưng đã tóm lược toàn bộ tư tưởng của ông về vấn đề tôn giáo. Về hình thức, ông đề cập đến vấn đề nghiên cứu bản chất con người nhưng thực tế chỉ gói gọn trong kinh nghiệm tôn giáo. Như đã trình bày ở trên, ông không nghiên cứu về tổ chức tôn giáo, tư tưởng tôn giáo cũng như những vấn đề khác của tôn giáo mà nghiên cứu tôn giáo trong những suy tính, những hành động và những kinh nghiệm của cá nhân độc lập cụ thể, và xa hơn nữa là quan hệ giữa các cá nhân với sự tồn tại của Chúa, thần thánh. Ngay từ những trang đầu tiên, ông đã tuyên bố cái gọi là "Tôn giáo của trí tuệ lành mạnh và linh hồn ốm yếu (The Religion of Healthy - Mindedness and the Sick Soul). Để chứng minh cho quan điểm này, ông đã dẫn chứng nhân vật Walt Whitman. Theo ông, Walt Whitman là điển hình nhất về trí tuệ lành mạnh, bởi cốt cách đầy ý chí, lòng trung kiên, sự tự nguyện, *tâm hồn của bầu trời xanh, tràn trề về tính thiện*, nhưng hơi áp đặt về hình thức. Sự tự do trong Kitô giáo là hiện thân của những người có tinh thần lành mạnh, là sự hiện thân của thái độ hân hoan về sự thành tâm... Ông còn trích dẫn cái gọi là *Hoạt động chữa bệnh thần kinh* của Mary Baker Eddy. Theo ông, "Điều ác chỉ đơn giản là một sự đối trá", bất cứ người nào để ý đến điều ác là người đối trá. Linh hồn ốm yếu được ông giải thích như sau: Tương phản với trí tuệ lành mạnh, linh hồn ốm yếu trong sự tương phản của nó, đến lượt nó là "điều ác", là cảm giác bất

an, không tìm thấy được nguồn suối của niềm vui, sự cay đắng và buồn nôn, rơi vào cái chết của sự vui sướng. William James còn trích dẫn cả *Lời thú tội* của Leo Tolstoy, *Tự truyện* của John Bunyan. Theo William James, những người có linh hồn ốm yếu chẳng bao giờ có được niềm vui, có được sự bình an, thay vào đó là sự sợ hãi, lo âu.

Trong tác phẩm *Chủ nghĩa thực dụng*, William James đã trình bày phương pháp luận của chủ nghĩa thực dụng về tôn giáo. Ông khẳng định, chủ nghĩa thực dụng nhìn nhận vấn đề tôn giáo trên quan điểm đa nguyên⁽²¹⁾. Luận bàn về tính hữu ích cũng như nguồn gốc của thế giới vĩnh hằng, ông viết: "vì có những nỗi đau tâm trí trong mỗi con người... Có những khoảnh khắc của sự chán nản trong tất cả chúng ta, khi chúng ta bị bệnh và mệt mỏi vì cố gắng vô ích. Cuộc sống của chúng ta bị phá vỡ, và chúng ta rơi vào thái độ của sự hoang dã. Chúng ta không tin tưởng vào cơ hội thực tế. Chúng ta muốn có một vũ trụ mà chúng ta chỉ có thể từ bỏ hiện tại để đến với Chúa của chúng ta, và được hấp thụ vào cuộc sống tuyệt đối như là một giọt nước tan chảy vào sông, biển". Theo ông, kinh nghiệm của chúng ta, cụ thể là kinh nghiệm "*sợ cuộc sống*" đã đẩy con người vào sự lựa chọn tôn giáo. Ông viết: "Thiên Đường có nghĩa là an toàn trong vòng đời của những cuộc phiêu lưu trong thế giới của cảm giác..., chỉ đơn giản là sợ, sợ thực tại, sợ cuộc sống". Trong tác phẩm này, William James chia tôn giáo thành

21. William James. *Pragmatism: A New Name for Some Old Ways of Thinking*, Lect. 6, "Pragmatism's Conception of Truth", 1907.

hai hình thức đối lập nhau đó là *Tôn giáo nhất nguyên* và *Tôn giáo đa nguyên*. Theo ông, tất cả đều có ích cho con người. Ông viết: “Tất cả tôn giáo là cần thiết và rất cần thiết - ngay cả khi bạn bị bệnh tim và tâm thần... Những cánh tay vĩnh cửu ở bên dưới... cho dù trong thế giới hiện thực là có giới hạn”.

Kết thúc tác phẩm *Chủ nghĩa thực dụng*, ông kết luận: “Có thể gọi chủ nghĩa thực dụng là tôn giáo hay không, nếu như chúng ta đồng ý rằng tôn giáo là đa nguyên... câu trả lời tùy thuộc vào bạn quyết định. Chủ nghĩa thực dụng không ép buộc trả lời một cách độc đoán. Suy cho cùng, chúng ta không thể biết được tôn giáo nào có ích cho chúng ta. Niềm tin của con người rất đa dạng và lỗi lầm cũng không kém, thực tế đã mang lại những bằng chứng”.

4. Kết luận

William James được biết đến cùng với John Dewey và Charles Sanders Peirce - cha đẻ của Triết học thực dụng Hoa Kỳ. Ông còn được biết đến là cha đẻ của Tâm lí học Hoa Kỳ. Bên cạnh những cống hiến to lớn về mặt Triết học và Tâm lí học, những đề xuất của ông về nghiên cứu lĩnh vực tôn giáo cũng không kém phần quan trọng. Trên cơ sở thế giới quan và nhân sinh quan của chủ nghĩa thực dụng, James đề nghị tập trung vào

những gì ông gọi là “*giá trị tiền mặt, hoặc tính hữu dụng của một tư tưởng*”. Trong nghiên cứu tôn giáo, ông phản đối chủ nghĩa cấu trúc luận, chỉ tập trung vào nội quan và phá vỡ những *sự kiện tinh thần*, thay vào đó ông đề xuất việc tập trung vào sự nguyên vẹn của một sự kiện liên quan đến tác động của môi trường dựa trên hành vi. Bên cạnh đó, ông đề ra phương châm “*Sự lựa chọn của ý chí tự do và không lấy gì bảo đảm*” làm cơ sở để nghiên cứu tôn giáo là một hướng đi mới nhưng không toàn vẹn.

Những đề xuất của William James trong tiếp cận nghiên cứu tôn giáo hết sức độc đáo nhưng cũng như trên tinh thần của ông “không có gì để đảm bảo” nên chúng cũng chỉ mang tính chất tham khảo. Ông cũng đã đề cập đến nguyên nhân tâm lí của tôn giáo, đó là sự sợ hãi trước các hiện tượng tự nhiên cũng như những áp bức bất công trong xã hội, cái mà ông gọi là “*sợ cuộc sống*” và đề xuất của ông về loại bỏ khả năng thực nghiệm trong nghiên cứu tôn giáo thuần túy là những đóng góp quan trọng của ông cho lĩnh vực tôn giáo. Dù sao đi nữa, William James cũng được xem là một trong các nhà khoa học Mỹ điển hình nhất. Những hạn chế trong tư duy của ông không hề làm giảm những giá trị mà ông đã đóng góp cho khoa học/.